Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
Khóa ngày: 5-7/6/2025
Hội đồng: THPT Võ Thị Sáu (ĐĐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	350001	Trương Hoài An		29/01/2010	THCS Đất Đỏ	4.25	7.00	3.75	15.00
2	350002	Huỳnh Lê Vân An	x	30/01/2010	THCS Láng Dài	7.75	9.00	9.75	27.50
3	350003	Nguyễn Ngọc Triều An	x	09/03/2010	THCS Minh Đạm	6.00	9.25	7.75	23.00
4	350004	Lâm Nguyễn Hoàng An		15/01/2010	THCS Láng Dài	4.50	3.75	3.75	12.00
5	350005	Lương Thạch An		15/08/2010	THCS Láng Dài	3.00	8.25	5.50	16.75
6	350006	Nguyễn Thế An		26/09/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	4.50	5.00	16.00
7	350007	Cao Duy Anh		02/07/2010	THCS Long Tân	5.00	8.50	5.25	18.75
8	350008	Võ Đình Anh		05/03/2010	THCS Láng Dài	4.00	7.75	3.00	14.75
9	350009	Đinh Hà Diệp Anh		07/05/2010	THCS Long Tân	5.00	9.00	5.75	20.75
10	350010	Nguyễn Huỳnh Kim Anh	x	01/02/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	7.25	4.75	17.25
11	350011	Nguyễn Huỳnh Kim Anh	x	27/05/2010	THCS Phước Thạnh	7.00	8.50	7.50	23.00
12	350012	Nguyễn Huỳnh Trâm Anh	x	01/02/2010	THCS Phước Thạnh	7.25	6.75	4.00	18.00
13	350013	Võ Lê Tuấn Anh		08/01/2010	THCS Đất Đỏ	5.25	9.00	7.25	21.50
14	350014	Trương Mỹ Anh	x	27/09/2010	THCS Châu Văn Biếc				0.00
15	350015	Mai Quốc Anh		12/09/2010	THCS Đất Đỏ	3.75	6.50	2.75	13.00
16	350016	Nguyễn Thị Vân Anh	x	18/06/2010	THCS Phước Thạnh	4.00	2.50	2.50	9.00
17	350017	Trần Tuấn Anh		29/10/2010	THCS Đất Đỏ	5.75	9.00	6.75	21.50
18	350018	Trần Việt Anh		20/10/2010	THCS Đất Đỏ	5.25	8.00	3.00	16.25
19	350019	Phạm Duy Ánh		18/10/2010	THCS Đất Đỏ	7.75	9.00	8.00	24.75
20	350020	Nguyễn Lý Thiên Ân	x	11/09/2010	THCS Đất Đỏ	7.25	7.75	5.50	20.50
21	350021	Đỗ Thiên Ân	x	14/07/2010	THCS Long Tân	6.25	7.00	4.50	17.75
22	350022	Lâm Trí Ân		02/07/2010	THCS Đất Đỏ	4.75	7.75	7.00	19.50
23	350023	Cao Đặng Thiên Bảo		20/04/2010	THCS Đất Đỏ	6.75	7.50	6.50	20.75
24	350024	Trần Lê Gia Bảo		15/11/2010	THCS Đất Đỏ	5.75	8.25	6.25	20.25
25	350025	Đặng Nguyên Bảo		24/03/2010	THCS Long Tân	5.75	7.00	4.50	17.25
26	350026	Lương Gia Băng	x	29/03/2010	THCS Đất Đỏ	6.75	6.75	4.25	17.75
27	350027	Phan Thị Khánh Băng	x	26/01/2010	THCS Láng Dài	6.75	6.25	4.75	17.75
28	350028	Đinh Thanh Bình		01/08/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	9.00	5.75	21.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
29	350029	Thái Ngọc Bảo Châu	x	29/03/2010	THCS Đất Đỏ	7.00	7.50	5.50	20.00
30	350030	Đặng Thị Ngọc Chi	x	17/03/2010	THCS Lộc An	7.00	6.75	4.25	18.00
31	350031	Trần Hữu Chung		13/02/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	8.50	4.50	19.25
32	350032	Trần Công Danh		07/02/2010	THCS Đất Đỏ	7.50	9.50	7.75	24.75
33	350033	Nguyễn Đỗ Thành Danh		05/07/2010	THCS Phước Thạnh	5.00	8.50	5.25	18.75
34	350034	Nguyễn Thành Danh		27/04/2010	THCS Đất Đỏ	7.50	8.00	5.50	21.00
35	350035	Lê Thị Hiền Diệu	x	23/01/2010	THCS Long Tân	7.00	8.00	4.25	19.25
36	350036	Phan Ngân Dung	x	31/07/2010	THCS Phước Hải	7.00	8.75	9.25	25.00
37	350037	Nguyễn Ngọc Dung	x	03/04/2010	THCS Phước Thạnh	5.00	7.00	5.25	17.25
38	350038	Phạm Thị Mỹ Dung	x	30/11/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	8.25	5.25	19.50
39	350039	Ngô Quốc Duy		29/10/2010	THCS Đất Đỏ	7.25	7.75	4.00	19.00
40	350040	Nguyễn Thành Duy		03/01/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	7.75	4.25	17.25
41	350041	Võ Thiết Duy	x	26/09/2010	THCS Phước Thạnh	4.25	8.00	5.25	17.50
42	350042	Trần Hồng Duyên	x	17/07/2010	THCS Phước Thạnh	5.75	8.25	5.00	19.00
43	350043	Nguyễn Ngọc Thùy Duyên	x	26/02/2010	THCS Long Tân	6.50	8.25	4.00	18.75
44	350044	Mai Nguyễn Kim Duyên	x	02/07/2010	THCS Châu Văn Biếc	7.75	8.50	4.25	20.50
45	350045	Tạ Thị Mỹ Duyên	x	04/10/2010	THCS Lộc An	4.50	5.25	1.25	11.00
46	350046	Lê Ngọc Thái Dương		13/01/2010	THCS Láng Dài	8.00	8.50	9.00	25.50
47	350047	Phan Nguyễn Trúc Đan	x	17/08/2010	THCS Châu Văn Biếc	7.75	8.25	9.00	25.00
48	350048	Phạm Ngọc Đại		29/12/2010	THCS Long Tân	5.00	8.50	5.25	18.75
49	350049	Hồ Quốc Đại		13/12/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	7.00	4.75	17.75
50	350050	Huỳnh Tấn Đạt		09/01/2010	THCS Láng Dài	4.25	5.50	4.25	14.00
51	350051	Nguyễn Thanh Đạt		19/09/2010	THCS Phước Thạnh	3.50	8.00	6.50	18.00
52	350052	Cao Thành Đạt		02/02/2010	THCS Đất Đỏ	7.00	6.25	3.50	16.75
53	350053	Lê Tiến Đạt		26/06/2010	THCS Đất Đỏ	5.25	8.00	4.75	18.00
54	350054	Trần Tiến Đạt		19/03/2010	THCS Phước Thạnh	4.75	8.75	7.75	21.25
55	350055	Trần Tuấn Đạt		10/04/2010	THCS Đất Đỏ	4.75	1.25	2.50	8.50
56	350056	Nguyễn Trần Hải Đăng		06/10/2010	THCS Long Tân	4.00	6.50	4.50	15.00
57	350057	Nguyễn Trần Minh Đăng		17/05/2010	THCS Đất Đỏ	5.75	6.00	3.25	15.00
58	350058	Nguyễn Minh Đức		01/01/2010	THCS Phước Thạnh	6.50	7.50	7.75	21.75
59	350059	Cao Thành Đức		05/09/2010	THCS Đất Đỏ	3.75	6.00	4.75	14.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
60	350060	Nguyễn Thành Đức		12/10/2009	THCS Châu Văn Biếc	3.50	2.00	1.25	6.75
61	350061	Dương Trần Đức		26/04/2010	THCS Đất Đỏ	1.50	2.00	3.50	7.00
62	350062	Dương Trần Đức		26/04/2010	THCS Đất Đỏ				0.00
63	350063	Võ Trường Giang		21/05/2010	THCS Phước Thạnh	5.75	8.25	5.50	19.50
64	350064	Huỳnh Thị Ngọc Giàu	x	15/02/2010	THCS Long Tân	6.50	7.25	3.00	16.75
65	350065	Phạm Thị Hải Hà	x	01/12/2010	THCS Đất Đỏ	7.25	8.75	7.50	23.50
66	350066	Phạm Trần Minh Hà		28/07/2010	THCS Phước Thạnh	5.00	8.50	5.00	18.50
67	350067	Lại Khả Hào		10/12/2010	THCS Láng Dài	4.50	4.00	2.75	11.25
68	350068	Võ Châu Phi Hải		16/08/2010	THCS Láng Dài	7.50	8.50	5.75	21.75
69	350069	Nguyễn Văn Hảo		28/03/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	8.75	5.75	20.50
70	350070	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	x	09/11/2010	THCS Phước Thạnh	4.50	6.75	3.25	14.50
71	350071	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	x	23/01/2010	THCS Đất Đỏ	6.75	8.25	5.25	20.25
72	350072	Nguyễn Hà Thanh Hằng	x	21/10/2010	THCS Phước Thạnh	6.25	8.75	8.75	23.75
73	350073	Lê Thanh Hằng	x	17/08/2010	THCS Châu Văn Biếc	6.50	5.00	6.50	18.00
74	350074	Lê Thị Thanh Hằng	x	02/10/2010	THCS Phước Thạnh	4.25	6.00	3.00	13.25
75	350075	Nguyễn Thị Thanh Hằng	x	20/07/2010	THCS Đất Đỏ	4.75	5.50	2.75	13.00
76	350076	Trần Gia Hân	x	12/11/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	7.75	7.75	22.00
77	350077	Nguyễn Lê Gia Hân	x	25/05/2010	THCS Đất Đỏ	7.00	4.25	3.00	14.25
78	350078	Thôi Minh Mỹ Hân	x	29/03/2010	THCS Long Tân	6.00	5.25	5.75	17.00
79	350079	Nguyễn Ngọc Hân	x	14/05/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	5.00	4.75	15.00
80	350080	Lê Ngọc Phương Hân	x	21/07/2010	THCS Phước Thạnh	3.75	8.50	7.75	20.00
81	350081	Huỳnh Ngô Ngọc Hân	x	14/09/2010	THCS Đất Đỏ	7.50	8.75	7.50	23.75
82	350082	Huỳnh Phùng Ngọc Hân	x	21/07/2010	THCS Phước Thạnh	7.00	8.50	5.25	20.75
83	350083	Nguyễn Thị Ngọc Hân	x	11/10/2010	THCS Phước Thạnh	7.00	8.50	4.25	19.75
84	350084	Nguyễn Hữu Hậu		15/09/2010	THCS Đất Đỏ	4.50	1.25	2.50	8.25
85	350085	Đặng Trương Quang Hậu		29/12/2010	THCS Châu Văn Biếc	5.25	8.25	6.25	19.75
86	350086	Phạm Thị Diệu Hiền	x	06/10/2010	THCS Láng Dài	5.50	4.00	4.50	14.00
87	350087	Lê Thị Kim Hiền	x	04/03/2010	THCS Đất Đỏ	4.50	4.00	1.75	10.25
88	350088	Tăng Thị Thảo Hiền	x	24/09/2010	THCS Láng Dài	5.00	1.25	3.00	9.25
89	350089	Lê Thị Thu Hiền	x	24/12/2010	THCS Long Tân	6.50	8.25	4.75	19.50
90	350090	Phạm Trung Hiếu		27/02/2010	THCS Long Tân	5.00	5.25	2.00	12.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
91	350091	Trần Trung Hiếu		16/02/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	5.00	5.00	16.00
92	350092	Nguyễn Thị Bích Hoa	x	03/03/2010	THCS Đất Đỏ	5.00	4.50	3.25	12.75
93	350093	Lê Thị Xuân Hoa	x	29/11/2010	THCS Láng Dài	5.00	5.75	4.50	15.25
94	350094	Ngô Thiên Hoàng		04/12/2010	THCS Láng Dài	5.25	5.50	3.00	13.75
95	350095	Nguyễn Trọng Hoàng		21/10/2010	THCS Phước Thạnh	4.50	4.50	2.75	11.75
96	350096	Trần Thảo Hồng	x	06/01/2010	THCS Đất Đỏ	7.50	9.00	7.75	24.25
97	350097	Nguyễn Chính Huy		29/06/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	4.00	3.25	13.75
98	350098	Trần Đông Huy		02/03/2010	THCS Đất Đỏ	4.75	8.50	7.00	20.25
99	350099	Trần Đức Huy		03/03/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	9.00	6.50	22.00
100	350100	Nguyễn Gia Huy		03/10/2010	THCS Châu Văn Biếc	6.25	8.50	6.75	21.50
101	350101	Võ Gia Huy		02/02/2010	THCS Láng Dài	5.25	3.75	4.25	13.25
102	350102	Nguyễn Quang Huy		24/12/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	7.75	4.50	18.75
103	350103	Huỳnh Quốc Huy		10/01/2010	THCS Phước Thạnh	6.50	6.25	4.75	17.50
104	350104	Lê Thị Ngọc Huyền	x	19/10/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	6.25	3.00	15.50
105	350105	Trịnh Quốc Hùng		29/04/2010	THCS Láng Dài	4.25	6.25	2.75	13.25
106	350106	Phạm Nguyễn Nguyên Hưng		29/03/2010	THCS Phước Thạnh	5.75	5.75	3.75	15.25
107	350107	Lê Quỳnh Hương	x	09/12/2010	THCS Láng Dài	5.75	6.00	4.25	16.00
108	350108	Phan Thị Quỳnh Hương	x	05/11/2010	THCS Phước Thạnh	4.50	8.25	2.50	15.25
109	350109	Hồ Thụy Quỳnh Hương	x	22/05/2010	THCS Láng Dài	2.00	2.50	4.50	9.00
110	350110	Trần Duy Kaka		13/12/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	6.00	4.00	15.25
111	350111	Nguyễn Duy Kha		09/02/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	8.50	8.25	22.75
112	350112	Đặng Dương Duy Kha		27/04/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	4.00	3.50	13.50
113	350113	Hồ Nguyễn Anh Kha		18/10/2010	THCS Châu Văn Biếc	5.25	5.50	3.50	14.25
114	350114	Nguyễn Bảo Duy Khang		11/08/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	6.25	4.75	17.25
115	350115	Hồ Hoàng Khang		07/06/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	6.75	6.00	18.75
116	350116	Trần Hoàng Khang		25/12/2010	THCS Láng Dài	4.00	6.75	2.75	13.50
117	350117	Lại Minh Khang		14/09/2010	THCS Long Tân	6.50	8.75	6.00	21.25
118	350118	Trần Trọng Khang		27/02/2010	THCS Long Tân	5.75	6.75	3.50	16.00
119	350119	Huỳnh Vĩ Khang		02/12/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	7.00	7.00	20.00
120	350120	Phan Văn Khải		30/04/2010	THCS Phước Thạnh	3.75	5.25	3.25	12.25
121	350121	Nguyễn Duy Khánh		23/02/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	8.75	6.50	21.25

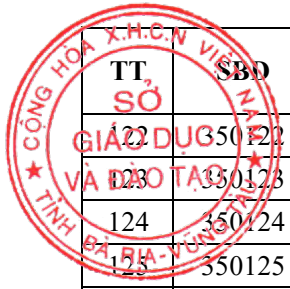

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
122	350122	Phạm Anh Khoa		05/08/2010	THCS Phước Thạnh	2.00	3.50	3.00	8.50
123	350123	Huỳnh Lê Khôi		08/04/2010	THCS Đất Đỏ	7.25	5.75	3.75	16.75
124	350124	Lê Minh Khôi		07/06/2010	THCS Phước Thạnh	5.75	8.50	5.25	19.50
125	350125	Bùi Trung Kiên		05/06/2010	THCS Phước Thạnh	1.50	4.50	3.00	9.00
126	350126	Phạm Trung Kiên		22/02/2010	THCS Long Tân	5.50	6.00	2.25	13.75
127	350127	Phan Thị Ngọc Kiều	x	18/05/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	7.00	4.00	16.25
128	350128	Tăng Phạm Tuấn Kiệt		24/09/2010	THCS Đất Đỏ	5.50	8.00	4.75	18.25
129	350129	Đinh Thế Kiệt		16/12/2010	THCS Láng Dài	4.00	7.50	5.00	16.50
130	350130	Đỗ Tuấn Kiệt		11/09/2010	THCS Đất Đỏ	7.00	8.25	6.50	21.75
131	350131	Ngô Tuấn Kiệt		17/07/2010	THCS Láng Dài	4.00	3.75	2.75	10.50
132	350132	Nguyễn Tuấn Kiệt		08/08/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	7.75	6.50	20.75
133	350133	Nguyễn Tuấn Kiệt		05/12/2010	THCS Châu Văn Biếc	5.00	6.50	3.50	15.00
134	350134	Phan Tuấn Kiệt		29/12/2010	THCS Đất Đỏ	4.00	4.25	4.25	12.50
135	350135	Lý Nhã Kỳ	x	07/04/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	7.25	3.25	17.50
136	350136	Hoàng Tiểu Kỳ	x	28/10/2010	THCS Láng Dài	6.50	6.50	5.25	18.25
137	350137	Đoàn Hồng Lam	x	06/04/2010	THCS Phước Thạnh	6.50	8.50	7.50	22.50
138	350138	Nguyễn Quỳnh Lan	x	10/12/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	6.25	3.50	15.75
139	350139	Tạ Thị Hoàng Lan	x	27/06/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	8.25	6.25	20.50
140	350140	Huỳnh Thị Ngọc Lan	x	30/04/2010	THCS Phước Thạnh	5.50	5.00	2.25	12.75
141	350141	Trần Văn Lắm		27/09/2010	THCS Phước Thạnh	3.00	7.75	3.75	14.50
142	350142	Nguyễn Minh Lâm		26/04/2010	THCS Long Tân	7.00	8.00	4.75	19.75
143	350143	Cao Sơn Lâm		13/03/2010	THCS Đất Đỏ	4.50	3.75	2.50	10.75
144	350144	Nguyễn Hoàng Phương Linh	x	22/10/2010	THCS Đất Đỏ	6.75	9.00	9.25	25.00
145	350145	Võ Hoàng Yến Linh	x	05/02/2010	THCS Mạc Đĩnh Chi	5.25	4.50	2.75	12.50
146	350146	Nguyễn Ngọc Linh	x	14/06/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	5.00	2.00	13.50
147	350147	Phan Ngọc Gia Linh	x	07/10/2010	THCS Long Tân	5.50	5.50	3.25	14.25
148	350148	Nguyễn Phương Linh	x	14/06/2010	THCS Long Tân	6.25	8.75	7.25	22.25
149	350149	Tăng Trúc Linh	x	01/10/2010	THCS Châu Văn Biếc	7.75	9.00	7.50	24.25
150	350150	Vũ Việt Linh	x	06/05/2010	THCS Đất Đỏ	7.25	6.50	4.50	18.25
151	350151	Nguyễn Hồng Loan	x	14/11/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	3.00	3.75	13.00
152	350152	Nguyễn Phương Loan	x	16/01/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	9.50	8.00	23.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
153	350153	Vũ Chí Long		20/10/2010	THCS Láng Dài	5.00	6.75	4.25	16.00
154	350154	Lê Hoàng Long		29/05/2010	THCS Long Tân	5.75	7.50	2.50	15.75
155	350155	Danh Kim Long		17/09/2010	THCS Châu Văn Biếc	6.75	6.75	5.75	20.25
156	350156	Đoàn Văn Long		18/02/2010	THCS Long Tân	5.75	9.00	4.25	19.00
157	350157	Nguyễn Bảo Lộc		06/02/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	9.00	7.25	21.50
158	350158	Trần Phước Lộc		08/01/2010	THCS Long Tân	6.25	6.25	3.25	15.75
159	350159	Huỳnh Tấn Lộc		05/06/2010	THCS Phước Thạnh	4.50	6.75	3.75	15.00
160	350160	Vũ Mạnh Lực		29/09/2010	THCS Láng Dài	4.25	3.25	1.75	9.25
161	350161	Trần Thị Khánh Ly	x	01/01/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	6.50	3.75	16.25
162	350162	Mai Thị Hồng Lý	x	23/07/2010	THCS Đất Đỏ	8.25	9.00	9.50	27.75
163	350163	Lê Đoàn Trúc Mai	x	07/11/2010	THCS Đất Đỏ	2.75	3.75	3.50	10.00
164	350164	Nguyễn Huỳnh Xuân Mai	x	22/11/2010	THCS Đất Đỏ	5.25	4.50	4.00	13.75
165	350165	Trần Thị Tuyết Mai	x	01/07/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	4.25	3.50	14.00
166	350166	Trần Văn Mẫn		29/08/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	5.75	4.25	16.25
167	350167	Lê Ngọc Mi	x	02/08/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	8.75	7.00	21.75
168	350168	Phan Hoàng Minh		17/11/2010	THCS Đất Đỏ	6.75	8.25	6.00	21.00
169	350169	Lê Hoàng Bình Minh		20/11/2010	THCS Châu Văn Biếc	5.75	6.50	5.50	17.75
170	350170	Trần Tuấn Minh		23/06/2010	THCS Láng Dài	5.50	8.75	9.50	23.75
171	350171	Nghiêm Võ Thiên Minh		11/09/2010	THCS Phước Thạnh	5.00	7.25	5.50	17.75
172	350172	Trần Diễm Kiều My	x	09/03/2010	THCS Đất Đỏ	7.00	8.00	6.50	21.50
173	350173	Mai Lê Trà My	x	03/12/2010	THCS Đất Đỏ	5.50	4.00	7.75	17.25
174	350174	Nguyễn Thị Diễm My	x	16/01/2010	THCS Long Tân	4.75	6.75	4.00	15.50
175	350175	Nguyễn Thị Trà My	x	07/03/2010	THCS Đất Đỏ	7.75	9.00	8.50	25.25
176	350176	Trần Thị Phương Mỹ	x	04/09/2010	THCS Đất Đỏ	4.50	5.00	5.75	15.25
177	350177	Dương Bảo Nam		27/03/2010	THCS Phước Thạnh	3.25	7.25	3.75	14.25
178	350178	Đỗ Bảo Nam		01/08/2010	THCS Láng Dài	6.50	8.25	5.25	20.00
179	350179	Phạm Hoài Nam		01/12/2010	THCS Châu Văn Biếc	6.00	9.00	7.25	22.25
180	350180	Hồ Hoàng Nam		29/11/2010	THCS Long Tân	4.25	7.00	5.50	16.75
181	350181	Nguyễn Hoàng Nam		16/06/2010	THCS Đất Đỏ	3.50	4.50	3.50	11.50
182	350182	Phạm Nguyễn Hoàng Nam		19/02/2010	THCS Châu Văn Biếc	5.75	8.75	6.00	20.50
183	350183	Đinh Nhật Nam		10/03/2010	THCS Láng Dài	4.25	8.75	2.75	15.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
184	350184	Nguyễn Phương Nam		27/10/2010	THCS Đất Đỏ	3.75	7.75	5.00	16.50
185	350185	Lê Trần Hoàng Nam		15/12/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	5.25	3.75	15.00
186	350186	Tăng Hoài Thảo Nga	x	08/01/2010	THCS Đất Đỏ	4.75	8.75	5.50	19.00
187	350187	Trịnh Thị Ngọc Nga	x	07/08/2010	THCS Đất Đỏ	7.25	8.75	8.00	24.00
188	350188	Nguyễn Trần Ngọc Nga	x	23/03/2010	THCS Lộc An	5.75	9.00	4.50	19.25
189	350189	Lê Ngọc Kim Ngân	x	15/07/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	6.75	4.00	16.00
190	350190	Phạm Ngọc Tuyết Ngân	x	12/05/2010	THCS Phước Thạnh	5.50	7.25	8.75	21.50
191	350191	Huỳnh Phương Hồng Ngân	x	19/04/2010	THCS Phước Thạnh	4.75	7.00	3.50	15.25
192	350192	Huỳnh Thanh Ngân	x	10/02/2010	THCS Châu Văn Biếc	7.00	7.25	7.00	21.25
193	350193	Ngô Thanh Ngân	x	22/11/2010	THCS Phước Thạnh	6.75	8.50	7.25	22.50
194	350194	Nguyễn Thị Bảo Ngân	x	08/12/2010	THCS Láng Dài	3.00	3.25	2.25	8.50
195	350195	Hoàng Thị Kim Ngân	x	24/07/2010	THCS Long Tân	7.00	7.50	5.25	19.75
196	350196	Huỳnh Thị Kim Ngân	x	20/01/2010	THCS Láng Dài	6.00	6.00	3.50	15.50
197	350197	Huỳnh Thị Kim Ngân	x	18/10/2010	THCS Châu Văn Biếc	7.00	8.00	5.00	20.00
198	350198	Lương Thị Kim Ngân	x	21/09/2010	THCS Phước Thạnh	4.00	6.00	3.00	13.00
199	350199	Nguyễn Thị Kim Ngân	x	10/12/2010	THCS Láng Dài	6.50	8.50	3.00	19.00
200	350200	Trần Thị Kim Ngân	x	23/03/2010	THCS Đất Đỏ	5.50	4.25	2.50	12.25
201	350201	Huỳnh Thị Mỹ Ngân	x	26/01/2010	THCS Láng Dài	6.00	6.75	3.50	16.25
202	350202	Bùi Thị Thanh Ngân	x	12/05/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	6.25	2.75	14.25
203	350203	Trần Thị Thanh Ngân	x	15/09/2010	THCS Long Tân	7.00	7.75	4.00	18.75
204	350204	Trần Trương Kim Ngân	x	12/04/2010	THCS Minh Đạm	6.25	8.25	8.75	23.25
205	350205	Bùi Ngọc Bảo Nghi	x	30/07/2010	THCS Láng Dài	6.75	7.75	5.75	20.25
206	350206	Nguyễn Ngọc Bảo Nghi	x	25/02/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	6.25	3.00	15.25
207	350207	Trương Phương Nghi	x	12/08/2010	THCS Phước Hải	5.75	7.00	5.00	17.75
208	350208	Trần Hữu Nghĩa		11/01/2010	THCS Đất Đỏ	6.75	6.75	6.00	19.50
209	350209	Nguyễn Thanh Nghĩa		17/04/2010	THCS Long Tân	6.00	7.75	4.75	18.50
210	350210	Nguyễn Ánh Ngọc	x	02/10/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	8.00	7.25	20.50
211	350211	Huỳnh Bảo Ngọc	x	17/03/2010	THCS Đất Đỏ	2.75	1.75	3.25	7.75
212	350212	Trương Dương Bảo Ngọc	x	07/10/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	8.25	6.75	21.00
213	350213	Nguyễn Gia Bảo Ngọc	x	10/07/2009	THCS Đất Đỏ	6.00	2.75	3.00	11.75
214	350214	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	x	12/05/2010	THCS Phước Thạnh	4.75	6.25	3.25	14.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
215	350215	Trần Huỳnh Bảo Ngọc	x	23/11/2009	THCS Đất Đỏ	6.50	5.50	3.50	15.50
216	350216	Nguyễn Khánh Ngọc	x	30/05/2010	THCS Đất Đỏ	7.50	9.00	8.50	25.00
217	350217	Tạ Kim Ngọc	x	14/08/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	6.00	4.00	16.00
218	350218	Phạm Mai Thủy Ngọc	x	17/10/2010	THCS Láng Dài	6.75	8.50	5.50	21.75
219	350219	Lê Thanh Ngọc	x	01/12/2010	THCS Đất Đỏ	7.50	5.25	4.25	17.00
220	350220	Ngô Thanh Thảo Ngọc	x	27/07/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	7.50	6.25	20.00
221	350221	Nguyễn Thế Ngọc		10/12/2010	THCS Mạc Đĩnh Chi	4.50	5.75	3.50	13.75
222	350222	Dương Thị Hồng Ngọc	x	22/04/2010	THCS Láng Dài	6.00	8.75	3.00	17.75
223	350223	Huỳnh Thị Thảo Ngọc	x	29/03/2010	THCS Châu Văn Biếc	5.75	7.25	4.00	17.00
224	350224	Nịnh Đăng Nguyên		09/01/2010	THCS Phước Thạnh	6.25	8.50	7.25	23.00
225	350225	Trần Mộng Thảo Nguyên	x	19/10/2010	THCS Phước Thạnh	5.75	7.00	4.50	17.25
226	350226	Trần Ngọc Kim Nguyên	x	18/12/2010	THCS Lộc An	5.50	7.75	6.00	19.25
227	350227	Đào Văn Trí Nguyên		05/10/2010	THCS Đất Đỏ	7.00	6.50	4.75	18.25
228	350228	Nguyễn Mai Thanh Nhã	x	18/09/2010	THCS Láng Dài	6.75	4.75	5.00	16.50
229	350229	Nguyễn Quý Nhân		04/10/2010	THCS Đất Đỏ	4.00	2.25	3.25	9.50
230	350230	Phạm Trần Thiện Nhân		25/09/2010	THCS Phước Thạnh	6.50	8.00	8.75	23.25
231	350231	Cao Trọng Nhân		11/11/2010	THCS Đất Đỏ	5.50	6.50	4.50	16.50
232	350232	Tống Minh Nhật		15/05/2010	THCS Lộc An	3.50	7.25	7.25	18.00
233	350233	Nguyễn Ái Nhi	x	30/03/2010	THCS Láng Dài	5.75	7.00	3.50	16.25
234	350234	Nguyễn Khả Nhi	x	31/07/2010	THCS Long Tân	6.00	2.50	2.75	11.25
235	350235	Mai Khánh Nhi	x	25/07/2010	THCS Láng Dài	7.00	7.50	4.75	19.25
236	350236	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	x	01/07/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	8.00	5.75	20.25
237	350237	Nguyễn Phúc Tâm Nhi	x	25/08/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	8.00	4.00	18.25
238	350238	Đoàn Thị Ngọc Nhi	x	03/12/2010	THCS Đất Đỏ	5.00	8.25	4.00	17.25
239	350239	Lê Thị Yến Nhi	x	09/10/2010	THCS Long Tân	7.25	8.75	7.50	23.50
240	350240	Phạm Xuân Nhi	x	06/08/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	6.50	3.25	16.75
241	350241	Nguyễn Thị Hồng Nhung	x	19/06/2010	THCS Long Tân	6.50	8.25	5.00	20.75
242	350242	Huỳnh Như	x	15/07/2010	THCS Đất Đỏ	7.75	9.00	8.00	24.75
243	350243	Lý Hạnh Như	x	02/12/2010	THCS Đất Đỏ	4.50	8.75	5.00	18.25
244	350244	Đinh Ngọc Tố Như	x	19/08/2009	THCS Đất Đỏ	4.75	3.50	3.25	11.50
245	350245	Mai Nguyễn Phúc Như	x	05/07/2010	THCS Đất Đỏ	7.25	9.00	9.25	25.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
246	350246	Phạm Thị Hồng Như	x	21/07/2010	THCS Phước Thạnh	6.50	7.75	5.00	19.25
247	350247	Hà Thị Ngọc Như	x	06/01/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	7.75	5.25	19.50
248	350248	Lê Thị Quỳnh Như	x	12/06/2010	THCS Long Tân	7.25	8.75	2.75	18.75
249	350249	Nguyễn Thị Quỳnh Như	x	02/11/2010	THCS Đất Đỏ	7.00	8.75	5.75	21.50
250	350250	Trần Thị Quỳnh Như	x	06/01/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	5.00	4.50	15.50
251	350251	Huỳnh Thị Tố Như	x	03/09/2010	THCS Láng Dài	5.50	7.50	4.50	17.50
252	350252	Nguyễn Thùy Như	x	29/01/2010	THCS Long Tân	6.00	5.50	2.75	14.25
253	350253	Dương Gia Phát		06/03/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	5.25	3.00	14.25
254	350254	Tống Gia Phát		17/05/2010	THCS Phước Thạnh	4.00	5.75	6.75	16.50
255	350255	Nguyễn Hồng Phát		20/04/2010	THCS Đất Đỏ	5.00	4.75	3.75	13.50
256	350256	Lê Minh Phát		04/04/2010	THCS Phước Thạnh	5.75	8.50	7.25	21.50
257	350257	Trần Minh Phát		04/03/2010	THCS Phước Thạnh	3.50	3.50	2.50	9.50
258	350258	Nguyễn Triều Phát		23/05/2010	THCS Long Tân	5.00	8.00	3.50	16.50
259	350259	Trịnh Vũ Gia Phát		06/09/2010	THCS Lộc An	5.50	8.75	6.25	20.50
260	350260	Võ Đình Phong		22/02/2010	THCS Long Tân	6.00	6.00	1.75	13.75
261	350261	Nguyễn Thanh Phong		18/01/2010	THCS Đất Đỏ	4.75	5.50	2.25	12.50
262	350262	Trần Nguyên Ngọc Phú		09/04/2010	THCS Phước Hải	4.75	8.75	7.25	20.75
263	350263	Huỳnh Nguyễn Thanh Phú		25/02/2010	THCS Phước Thạnh	3.50	6.25	6.50	16.25
264	350264	Dương Thiên Phú		01/03/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	9.50	5.00	20.50
265	350265	Nguyễn Hoàng Phúc		23/07/2010	THCS Đất Đỏ	4.50	3.75	5.50	13.75
266	350266	Nguyễn Hồ Thiên Phúc		28/01/2010	THCS Đất Đỏ	4.25	8.75	4.00	17.00
267	350267	Phạm Hồng Phúc		02/11/2010	THCS Long Tân	4.50	8.75	7.75	21.00
268	350268	Lưu Trọng Phúc		17/11/2009	THCS Đất Đỏ	0.50	0.75	1.25	2.50
269	350269	Khúc Hà Phương	x	12/09/2010	THCS Châu Văn Biếc	5.50	8.50	7.00	21.00
270	350270	Huỳnh Ngọc Bảo Phương	x	03/09/2010	THCS Phước Thạnh	4.50	6.50	4.00	15.00
271	350271	Đoàn Thị Thu Phương	x	15/09/2010	THCS Phước Thạnh	7.25	7.25	4.50	19.00
272	350272	Thái Trúc Phương	x	26/03/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	6.50	4.00	16.50
273	350273	Nguyễn Xuân Phương		17/03/2010	THCS Phước Thạnh	5.50	9.00	8.25	22.75
274	350274	Nguyễn Tấn Phước		24/02/2010	THCS Phước Thạnh	7.00	8.50	5.75	21.25
275	350275	Trần Thanh Phước	x	09/07/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	8.50	6.25	21.00
276	350276	Phạm Minh Quan		22/05/2010	THCS Phước Thạnh	0.00	2.25	2.00	4.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
277	350277	Nguyễn Hồng Duy Quang		05/03/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	3.00	3.75	12.75
278	350278	Trần Nguyễn Minh Quang		24/11/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	8.50	8.75	23.75
279	350279	Nguyễn Minh Quân		10/01/2010	THCS Đất Đỏ	5.75	8.50	8.50	22.75
280	350280	Bùi Dương Quốc		16/11/2009	THCS Phước Thạnh	6.00	5.50	3.25	14.75
281	350281	Lê Trần Tuấn Quốc		14/02/2010	THCS Châu Văn Biếc	5.75	8.50	2.75	17.00
282	350282	Trương Kỷ Quyên	x	15/02/2010	THCS Minh Đạm	5.25	8.25	7.25	20.75
283	350283	Nguyễn Trần Phương Quyên	x	02/07/2010	THCS Đất Đỏ	7.50	8.75	9.25	25.50
284	350284	Nguyễn Ngô Nhã Quỳnh	x	24/08/2010	THCS Đất Đỏ	5.50	2.50	3.75	11.75
285	350285	Nguyễn Thị Như Quỳnh	x	22/08/2010	THCS Láng Dài	4.75	4.75	2.00	11.50
286	350286	Nguyễn Thị Như Quỳnh	x	01/07/2010	THCS Phước Thạnh	7.00	8.75	8.00	23.75
287	350287	Đoàn Hà Minh Sang		04/10/2010	THCS Đất Đỏ	5.00	5.00	3.00	13.00
288	350288	Trần Ngọc Sang		25/08/2010	THCS Phước Thạnh	5.00	7.75	4.50	17.25
289	350289	Phạm Thanh Sang		18/03/2010	THCS Láng Dài	4.25	6.25	3.00	13.50
290	350290	Trương Quang Sáng		05/10/2010	THCS Phước Thạnh	4.50	7.25	3.75	15.50
291	350291	Nguyễn Huỳnh Trường Sơn		01/07/2010	THCS Đất Đỏ	4.75	6.25	3.00	14.00
292	350292	Nguyễn Thị Hồng Sương	x	31/05/2010	THCS Châu Văn Biếc	6.25	5.50	2.50	14.25
293	350293	Hoàng Anh Tài		31/03/2010	THCS Lộc An	2.75	7.50	3.25	13.50
294	350294	Phan Anh Tài		24/03/2010	THCS Long Tân	4.25	4.25	3.00	11.50
295	350295	Nguyễn Linh Tâm		27/05/2010	THCS Đất Đỏ	5.50	8.50	6.50	20.50
296	350296	Trần Minh Tâm		08/10/2010	THCS Phước Thạnh	2.50	6.25	2.50	11.25
297	350297	Nguyễn Thị Mỹ Tâm	x	18/09/2010	THCS Láng Dài	5.25	6.00	3.00	14.25
298	350298	Trương Nguyễn Kim Thanh	x	16/03/2010	THCS Phước Hải	4.00	7.50	5.50	17.00
299	350299	Nguyễn Trần Thiên Thanh	x	19/04/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	5.25	4.75	16.00
300	350300	Dương Công Thành		11/06/2010	THCS Châu Văn Biếc	6.25	8.00	4.75	19.00
301	350301	Ngô Công Thành		25/01/2010	THCS Phước Thạnh	2.75	4.75	2.50	10.00
302	350302	Lê Hữu Thành		09/06/2010	THCS Đất Đỏ	3.00	6.25	3.00	12.25
303	350303	Nguyễn Lâm Bảo Thành		17/04/2010	THCS Long Tân	5.50	6.75	4.25	16.50
304	350304	Phạm Trung Thành		09/12/2010	THCS Phước Thạnh	4.25	7.50	9.00	20.75
305	350305	Tăng Vũ Bảo Thành		01/11/2010	THCS Phước Thạnh	4.50	7.75	5.25	17.50
306	350306	Đỗ Phương Thảo	x	10/09/2010	THCS Phước Thạnh	4.00	4.50	3.25	11.75
307	350307	Tăng Thành Thảo		27/06/2010	THCS Châu Văn Biếc	4.75	7.25	5.00	17.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
308	350308	Lê Thị Thanh Thảo	x	29/01/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	8.25	6.50	21.00
309	350309	Nguyễn Thị Thu Thảo	x	06/06/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	8.50	8.00	23.00
310	350310	Lê Thu Thảo	x	12/11/2010	THCS Phước Thạnh	5.50	7.00	4.75	17.25
311	350311	Nguyễn Cao Thái		26/10/2009	THCS Đất Đỏ	6.50	6.75	5.00	18.25
312	350312	Phan Phong Thái		19/05/2010	THCS Đất Đỏ	3.00	4.50	4.50	12.00
313	350313	Lê Quốc Thái		27/03/2010	THCS Long Tân	4.50	8.00	4.25	16.75
314	350314	Ngô Thông Thái		13/02/2010	THCS Phước Thạnh	3.75	7.50	4.00	15.25
315	350315	Nguyễn Ngọc Thạch		30/08/2010	THCS Châu Văn Biếc	4.75	7.75	3.25	15.75
316	350316	Lý Thị Hồng Thắm	x	15/04/2010	THCS Long Tân	7.00	8.75	5.75	22.50
317	350317	Nguyễn Hữu Thắng		09/10/2010	THCS Đất Đỏ	5.75	8.50	5.50	19.75
318	350318	Ngô Minh Thắng		24/05/2010	THCS Đất Đỏ	5.50	8.75	7.25	21.50
319	350319	Trần Cao Ngọc Thi	x	02/02/2010	THCS Đất Đỏ	5.00	3.50	4.25	12.75
320	350320	Trần Kim Anh Thi	x	20/09/2010	THCS Phước Thạnh	3.50	7.25	4.50	15.25
321	350321	Ngô Trần Bảo Thi	x	20/05/2010	THCS Long Tân	6.75	8.50	7.25	22.50
322	350322	Võ Phúc Thiên		07/06/2010	THCS Đất Đỏ	5.50	3.75	3.75	13.00
323	350323	Nguyễn Văn Thiên		10/11/2010	THCS Châu Văn Biếc	4.75	7.75	5.50	18.00
324	350324	Nguyễn Đức Thiện		04/07/2010	THCS Châu Văn Biếc	5.00	8.25	8.50	21.75
325	350325	Võ Minh Thiện		11/08/2010	THCS Láng Dài	3.25	3.50	1.75	8.50
326	350326	Lê Phước Thiện		07/01/2010	THCS Phước Hải	4.75	9.50	8.75	23.00
327	350327	Võ Quang Thiện		09/09/2010	THCS Phước Thạnh	4.00	6.00	3.50	13.50
328	350328	Nguyễn Thái Thiện		30/07/2010	THCS Đất Đỏ	7.75	9.00	8.75	25.50
329	350329	Nguyễn Trung Phúc Thịnh		13/03/2010	THCS Đất Đỏ	3.00	1.50	1.50	6.00
330	350330	Võ Xuân Thịnh		17/04/2010	THCS Láng Dài	4.50	6.25	3.75	14.50
331	350331	Huỳnh Bảo Thơ	x	04/02/2010	THCS Láng Dài	7.25	8.25	5.50	21.00
332	350332	Võ Trung Thuận		13/04/2010	THCS Đất Đỏ	5.75	8.25	8.25	22.25
333	350333	Mai Nguyễn Thanh Thuỷ	x	31/12/2010	THCS Phước Thạnh	4.50	6.25	3.00	13.75
334	350334	Nguyễn Hà Thanh Thuý	x	21/10/2010	THCS Phước Thạnh	5.00	7.75	5.00	17.75
335	350335	Võ Ngô Phương Thùy	x	22/04/2010	THCS Đất Đỏ	5.25	7.50	5.50	18.25
336	350336	Mai Nguyễn Phương Thùy	x	15/02/2010	THCS Mạc Đĩnh Chi	4.25	5.75	5.25	15.25
337	350337	Hồ Ngọc Thu Thúy	x	26/07/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	6.25	7.50	19.75
338	350338	Bùi Dương Minh Thư	x	19/09/2010	THCS Đất Đỏ	7.25	9.00	7.75	24.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
339	350339	Nguyễn Minh Thư	x	25/08/2010	THCS Phước Thạnh	4.00	5.00	4.25	13.25
340	350340	Nguyễn Ngọc Anh Thư	x	30/08/2010	THCS Đất Đỏ	5.50	4.75	5.00	15.25
341	350341	Lê Quỳnh Anh Thư	x	19/09/2010	THCS Phước Thạnh	4.75	5.50	3.50	13.75
342	350342	Bùi Thị Anh Thư	x	11/01/2010	THCS Phước Thạnh	6.25	8.75	8.50	23.50
343	350343	Nguyễn Thị Anh Thư	x	14/02/2010	THCS Đất Đỏ	3.25	6.50	2.00	11.75
344	350344	Tô Thị Kim Thư	x	04/01/2010	THCS Minh Đạm	4.50	6.50	3.25	14.25
345	350345	Nguyễn Trần Anh Thư	x	27/02/2010	THCS Láng Dài	3.75	8.50	3.25	15.50
346	350346	Cao Trần Minh Thư	x	23/03/2010	THCS Đất Đỏ	7.25	7.25	5.00	19.50
347	350347	Lưu Dạ Hồng Thương	x	05/01/2010	THCS Long Tân	4.00	5.00	3.00	12.00
348	350348	Võ Thị Hoài Thương	x	11/09/2010	THCS Đất Đỏ	5.50	6.50	5.00	17.00
349	350349	Nguyễn Đăng Thượng		26/11/2010	THCS Láng Dài	5.75	8.25	7.25	22.25
350	350350	Phan Nguyễn Kim Thy	x	12/11/2010	THCS Phước Hải	5.25	9.00	9.75	24.00
351	350351	Lê Nguyễn Mỹ Tiên	x	13/12/2010	THCS Long Tân	6.75	8.50	9.25	24.50
352	350352	Phạm Thị Thủy Tiên	x	03/10/2010	THCS Láng Dài	5.75	5.75	5.25	16.75
353	350353	Cao Thủy Tiên	x	27/10/2010	THCS Đất Đỏ	5.00	3.25	4.50	12.75
354	350354	Trần Minh Tiền		07/10/2010	THCS Mạc Đĩnh Chi	4.75	5.50	3.00	13.25
355	350355	Phan Thị Thanh Tiền	x	02/10/2010	THCS Láng Dài	3.75	3.75	3.50	11.00
356	350356	Nguyễn Huỳnh Công Tiến		30/01/2010	THCS Phước Thạnh	4.50	8.75	6.50	19.75
357	350357	Dương Nhật Tiến		06/10/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	6.00	5.50	17.50
358	350358	Bùi Thanh Tiến		22/04/2010	THCS Đất Đỏ	1.75	3.75	3.00	8.50
359	350359	Trần Trung Tín		20/03/2010	THCS Long Tân	3.50	6.50	4.00	14.00
360	350360	Bùi Đức Tính		25/03/2010	THCS Đất Đỏ	4.25	4.25	2.00	10.50
361	350361	Nguyễn Hữu Toàn		31/05/2010	THCS Phước Thạnh	4.00	7.00	3.75	14.75
362	350362	Trần Minh Toàn		17/02/2010	THCS Phước Thạnh	5.50	6.75	4.00	16.25
363	350363	Trần Phúc Toàn		23/12/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	7.25	4.50	17.00
364	350364	Cao Thái Toàn		03/05/2010	THCS Đất Đỏ	3.75	3.75	2.75	10.25
365	350365	Nguyễn Ngọc Kiều Trang	x	25/09/2010	THCS Mạc Đĩnh Chi	7.00	9.00	8.50	24.50
366	350366	Ngân Thái Thuỳ Trang	x	13/08/2010	THCS Phước Thạnh	5.75	8.25	9.25	24.25
367	350367	Võ Thị Thùy Trang	x	01/11/2010	THCS Đất Đỏ	4.00	4.50	3.75	12.25
368	350368	Mai Trần Thuỳ Trang	x	11/07/2010	THCS Đất Đỏ	5.00	8.50	7.00	20.50
369	350369	Giản Hoàng Bích Trâm	x	05/04/2010	THCS Long Tân	6.50	7.75	6.25	20.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
370	350370	Trần Ngọc Huyền Trâm	x	27/07/2010	THCS Long Tân	6.25	7.25	4.75	18.25
371	350371	Đinh Quỳnh Trâm	x	21/02/2010	THCS Phước Thạnh	5.00	7.75	7.25	21.00
372	350372	Trần Thị Anh Trâm	x	07/08/2010	THCS Đất Đỏ	4.50	4.25	3.00	11.75
373	350373	Võ Thị Ngọc Trâm	x	27/11/2010	THCS Phước Thạnh	0.75	5.50	4.25	10.50
374	350374	Đỗ Huyền Trân	x	05/12/2010	THCS Đất Đỏ	5.00	7.75	5.75	18.50
375	350375	Lê Nguyễn Bảo Trân	x	24/07/2010	THCS Lộc An	5.25	8.75	9.00	23.00
376	350376	Nguyễn Thị Bảo Trân	x	02/12/2010	THCS Láng Dài	4.75	6.00	4.75	15.50
377	350377	Trần Thị Tú Trinh	x	18/07/2010	THCS Phước Thạnh	6.50	8.50	7.00	22.00
378	350378	Nguyễn Minh Trí		06/06/2010	THCS Đất Đỏ	6.75	9.00	8.00	23.75
379	350379	Phạm Minh Trí		16/02/2010	THCS Đất Đỏ	3.75	5.75	2.50	12.00
380	350380	Nguyễn Thành Trí		04/07/2010	THCS Long Tân	6.50	8.00	6.00	20.50
381	350381	Nguyễn Hữu Trọng		04/03/2010	THCS Phước Hải	4.50	8.75	4.50	17.75
382	350382	Cao Thành Trọng		27/11/2010	THCS Đất Đỏ	5.25	8.00	5.25	18.50
383	350383	Nguyễn Chí Trung		23/11/2010	THCS Phước Thạnh	5.50	7.50	3.75	16.75
384	350384	Trần Minh Trung		30/10/2010	THCS Phước Thạnh	6.00	8.75	7.25	22.00
385	350385	Đoàn Văn Trung		09/02/2010	THCS Long Tân	4.75	5.75	4.25	14.75
386	350386	Đoàn Nguyễn Thanh Trúc	x	29/11/2010	THCS Phước Thạnh	7.00	9.00	8.50	24.50
387	350387	Phạm Thanh Trúc	x	25/06/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	6.75	2.25	15.00
388	350388	Trần Thị Thanh Trúc	x	15/08/2010	THCS Đất Đỏ	7.00	6.75	5.25	19.00
389	350389	Cao Trần Thanh Trúc	x	28/09/2010	THCS Đất Đỏ	6.25	7.50	5.50	19.25
390	350390	Phạm Trần Thanh Trúc	x	17/01/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	8.75	5.25	20.50
391	350391	Nguyễn Lê Thái Trường		28/03/2010	THCS Đất Đỏ	6.75	9.50	7.25	23.50
392	350392	Lê Trần Nhật Trường		29/12/2010	THCS Đất Đỏ	7.00	8.25	6.00	21.25
393	350393	Trần Anh Tuấn		11/09/2010	THCS Phước Thạnh	6.25	9.00	6.75	22.00
394	350394	Phạm Đình Tuấn		18/03/2010	THCS Đất Đỏ	3.75	2.75	3.25	9.75
395	350395	Nguyễn Hoàng Tuấn		20/02/2010	THCS Đất Đỏ	5.00	8.75	4.25	18.00
396	350396	Trương Hoàng Tuấn		30/07/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	7.00	4.25	17.75
397	350397	Võ Thanh Tuấn		04/01/2010	THCS Phước Thạnh	6.75	8.50	6.25	21.50
398	350398	Phạm Lê Hải Tuyền	x	10/03/2010	THCS Châu Văn Biếc	6.50	5.00	7.50	19.00
399	350399	Trần Ngọc Kim Tuyền	x	10/01/2010	THCS Láng Dài	3.25	3.50	3.75	10.50
400	350400	Phạm Nguyễn Ngọc Tuyền	x	13/06/2010	THCS Phước Hải	4.75	6.00	6.50	17.25

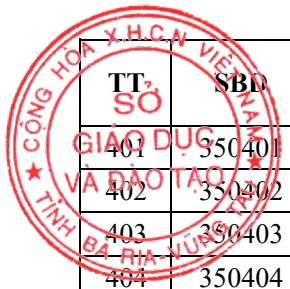

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
401	350401	Lê Thị Kim Tuyền	x	25/03/2010	THCS Láng Dài	6.00	5.25	3.75	15.00
402	350402	Phùng Thị Ngọc Tuyền	x	13/09/2010	THCS Lộc An	4.25	6.75	4.75	15.75
403	350403	Huỳnh Thị Ngọc Tuyết	x	22/04/2010	THCS Long Tân	2.50	3.25	1.75	7.50
404	350404	Huỳnh Anh Tú		05/06/2010	THCS Phước Thạnh	6.25	9.00	6.50	21.75
405	350405	Nguyễn Thanh Tú		01/09/2010	THCS Đất Đỏ	4.50	1.50	2.00	8.00
406	350406	Nguyễn Thành Tú		21/06/2010	THCS Đất Đỏ	4.25	5.25	3.00	12.50
407	350407	Nguyễn Thị Cẩm Tú	x	31/12/2010	THCS Long Tân	6.00	6.75	2.00	14.75
408	350408	Trần Võ Cẩm Tú	x	14/08/2010	THCS Phước Thạnh	7.25	7.75	6.50	21.50
409	350409	Đỗ Tú Vân	x	10/12/2010	THCS Đất Đỏ	7.25	8.50	6.25	22.00
410	350410	Cao Nguyễn Tường Vi	x	06/03/2010	THCS Láng Dài	6.75	6.25	3.50	16.50
411	350411	Đặng Thị Tường Vi	x	30/08/2010	THCS Lộc An	7.25	7.00	6.75	21.00
412	350412	Trần Công Vinh		14/08/2010	THCS Long Tân	6.00	8.00	5.75	19.75
413	350413	Lê Ngọc Vinh		16/12/2010	THCS Láng Dài	4.75	4.00	3.75	12.50
414	350414	Đặng Quang Vinh		23/09/2010	THCS Đất Đỏ	6.00	4.25	2.50	12.75
415	350415	Trần Anh Vũ		26/01/2010	THCS Châu Văn Biếc	6.25	7.25	5.50	19.00
416	350416	Nguyễn Trường Vũ		08/03/2010	THCS Phước Thạnh	5.75	7.50	3.50	16.75
417	350417	Nguyễn Tuấn Vũ		08/09/2010	THCS Phước Thạnh	4.25	6.50	2.00	12.75
418	350418	Trịnh Văn Vũ		24/01/2010	THCS Đất Đỏ	6.50	4.25	2.75	13.50
419	350419	Phạm Đào Triệu Vy	x	11/10/2010	THCS Đất Đỏ	6.75	8.75	6.00	21.50
420	350420	Trần Hà Vy	x	02/03/2010	THCS Lộc An	6.00	7.00	4.50	18.50
421	350421	Phạm Hoàng Thảo Vy	x	04/09/2010	THCS Long Tân	7.50	8.50	4.50	20.50
422	350422	Nguyễn Hoàng Tường Vy	x	12/05/2010	THCS Long Tân	6.25	7.00	4.00	17.25
423	350423	Trịnh Huỳnh Tú Vy	x	01/01/2010	THCS Đất Đỏ	4.25	7.00	4.00	15.25
424	350424	Nguyễn Lư Thảo Vy	x	31/12/2010	THCS Đất Đỏ	4.25	3.00	1.00	8.25
425	350425	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	x	02/02/2010	THCS Đất Đỏ	5.75	6.25	3.00	15.00
426	350426	Phạm Ngọc Thảo Vy	x	25/04/2010	THCS Phước Hải	5.00	7.50	4.75	17.25
427	350427	Lê Ngọc Tường Vy	x	14/05/2010	THCS Láng Dài	6.50	7.50	4.75	18.75
428	350428	Nguyễn Ngọc Tường Vy	x	05/10/2010	THCS Đất Đỏ	5.25	5.50	4.75	15.50
429	350429	Lê Nguyễn Tường Vy	x	08/02/2010	THCS Phước Thạnh	5.00	8.75	6.75	20.50
430	350430	Nguyễn Phạm Tường Vy	x	14/10/2010	THCS Đất Đỏ	4.75	6.25	5.00	16.00
431	350431	Hồ Thảo Vy	x	03/11/2010	THCS Đất Đỏ	8.00	8.50	8.00	24.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
432	350432	Hồ Thị Thúy Vy	x	15/11/2010	THCS Láng Dài	4.75	4.25	3.75	12.75
433	350433	Võ Thị Trúc Vy	x	14/08/2010	THCS Phước Thạnh	4.00	7.50	3.50	15.00
434	350434	Nguyễn Thị Tường Vy	x	12/12/2010	THCS Láng Dài	6.25	6.75	3.25	16.25
435	350435	Nguyễn Thị Tường Vy	x	02/05/2010	THCS Láng Dài	4.25	5.00	3.00	13.25
436	350436	Võ Thị Tường Vy	x	05/11/2010	THCS Phước Thạnh	3.25	7.00	4.25	14.50
437	350437	Đặng Thị Yến Vy	x	14/06/2009	THCS Đất Đỏ	4.00	3.00	3.00	10.00
438	350438	Huỳnh Thị Yến Vy	x	05/12/2010	THCS Phước Thạnh	5.50	7.75	6.00	19.25
439	350439	Lê Tường Vy	x	13/11/2010	THCS Phước Thạnh	5.25	6.00	4.00	15.25
440	350440	Tôn Tiến Vỹ		16/09/2009	THCS Đất Đỏ	5.50	7.00	5.25	17.75
441	350441	Nguyễn Tuấn Vỹ		16/07/2010	THCS Đất Đỏ	5.25	4.50	2.75	12.50
442	350442	Ngô Hải Yến	x	26/03/2010	THCS Đất Đỏ	4.50	6.25	4.25	15.00
443	350443	Đỗ Nguyễn Hoàng Ngọc Yến	x	23/11/2010	THCS Phước Thạnh	6.75	8.25	6.75	21.75
444	350444	Lê Thị Kim Yến	x	21/09/2010	THCS Châu Văn Biếc	7.25	7.50	6.75	21.50
445	350445	Phạm Ngọc Như Ý	x	24/03/2010	THCS Phước Thạnh	4.50	6.75	3.75	15.00
446	350446	Phạm Ngọc Tây Ý	x	24/03/2010	THCS Phước Thạnh	4.75	6.50	2.75	14.00
447	350447	Nguyễn Như Ý	x	09/09/2010	THCS Phước Thạnh	4.50	4.00	2.50	11.00
448	350448	Đặng Thị Như Ý	x	05/06/2010	THCS Đất Đỏ	4.00	4.75	4.00	12.75
449	350449	Trương Văn Anh Ý	x	17/09/2010	THCS Đất Đỏ	5.25	6.25	5.50	17.00

Bảng này có 449 thí sinh. Có 447 thí sinh dự thi đủ môn.

** Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.*